

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**THÔNG TƯ số 03/2003/TT-BKH ngày 19/5/2003 hướng dẫn công tác giám sát, đánh giá đầu tư.**

Căn cứ khoản 10 Điều 1 Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định số 07/CP) về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 52/CP (gọi tắt là Nghị định số 52/CP và Nghị định số 12/CP);

Căn cứ Nghị định số 75/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn công tác giám sát, đánh giá đầu tư như sau:

Phần I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****1. Hoạt động giám sát, đánh giá đầu tư**

Giám sát, đánh giá đầu tư là hoạt động theo dõi, kiểm tra và xác định mức độ đạt được so với yêu cầu của quá trình đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành nhằm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư để đảm bảo đầu tư đạt hiệu quả cao, phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển trong phạm vi cả nước, từng ngành, lĩnh vực, từng vùng, địa phương và từng dự án đầu tư.

Giám sát, đánh giá đầu tư bao gồm:

- Giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư.

Giám sát tổng thể đầu tư là việc theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện đầu tư ở các cấp của các ngành và địa phương; phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sai phạm, thiếu sót để đảm bảo đầu tư đúng quy hoạch, kế hoạch, mục tiêu và đảm bảo hiệu quả.

Đánh giá tổng thể đầu tư là phản ánh tình hình phân tích và đánh giá kết quả đầu tư của nền kinh tế, ngành, địa phương; xác định mức độ đạt được so với quy hoạch, kế hoạch trong từng thời kỳ hay từng giai đoạn; phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả đầu tư cũng như đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư trong kỳ hay giai đoạn kế hoạch sau.

- Giám sát, đánh giá dự án đầu tư .

Giám sát dự án đầu tư là việc theo dõi, kiểm tra thường xuyên quá trình đầu tư của dự án nhằm đảm bảo quá trình đầu tư đúng quy định về quản lý đầu tư và xây dựng, đảm bảo mục tiêu và hiệu quả của dự án.

Đánh giá dự án đầu tư là việc phân tích, xác định mức độ đạt được theo từng chỉ tiêu cụ thể so với quyết định đầu tư dự án hoặc tiêu chuẩn đánh giá quy định của Nhà nước tại một thời điểm nhất định.

2. Phạm vi, đối tượng giám sát, đánh giá đầu tư

a) Đối tượng giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư là hoạt động đầu tư của tất cả các thành phần kinh tế trong nền kinh tế, của từng ngành, lĩnh vực kinh tế, địa phương hoặc vùng lãnh thổ.

b) Đối tượng giám sát, đánh giá dự án đầu tư là các dự án, chương trình đầu tư (sau đây gọi chung là dự án đầu tư) quy định trong Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/CP.

Giám sát, đánh giá dự án đầu tư trước hết tập trung vào các dự án trong chương trình đầu tư công cộng, các dự án được tài trợ bằng nguồn vốn

ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương), vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn của Nhà nước tại các doanh nghiệp.

3. Mục đích giám sát, đánh giá đầu tư:

Giám sát, đánh giá đầu tư nhằm mục đích sau:

- Đảm bảo cho hoạt động đầu tư chung và từng dự án cụ thể đem lại hiệu quả kinh tế xã hội cao, phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế xã hội và tiến hành theo đúng khuôn khổ pháp luật, chính sách của Nhà nước.
- Giúp cơ quan quản lý đầu tư các cấp nắm sát và đánh giá đúng tình hình, kết quả hoạt động đầu tư, tiến độ thực hiện đầu tư và những tồn tại, khó khăn trong quá trình đầu tư để có biện pháp điều chỉnh thích hợp; phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm và tiêu cực gây thất thoát, lãng phí vốn trong quá trình thực hiện đầu tư.
- Giúp các cơ quan hoạch định chính sách có tư liệu thực tế để nghiên cứu về cơ cấu đầu tư và chính sách thúc đẩy đầu tư cho từng thời kỳ.

4. Yêu cầu đối với giám sát, đánh giá đầu tư

Cơ quan, đơn vị thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Giám sát thường xuyên quá trình đầu tư; đảm bảo sự thống nhất và phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp.
- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, khách quan các nội dung giám sát, đánh giá đầu tư.
- Đề xuất, kiến nghị phải kịp thời, cụ thể và có tính khả thi.

5. Nhiệm vụ cụ thể giám sát và đánh giá đầu tư

a) Theo dõi và kiểm tra thường xuyên quá trình đầu tư trên cơ sở:

- Cơ sở dữ liệu về hoạt động đầu tư tại các cơ quan giám sát đầu tư.
 - Các báo cáo thường kỳ và cập nhật (theo mẫu quy định);
 - Các hoạt động kiểm tra tại chỗ (theo chương trình, hoặc khi cần thiết);
- b) Đánh giá đầu tư bao gồm:
- Đánh giá tổng thể về quản lý đầu tư;
 - Đánh giá việc thực hiện mục tiêu đầu tư (sự tuân thủ quy hoạch, phù hợp với mục tiêu phát triển);
 - Đánh giá mức độ hoàn thành (theo kế hoạch hay tiến độ được duyệt);
 - **Đánh giá hiệu quả đầu tư (quan hệ giữa chi phí và lợi ích đầu tư).**

Kết quả quá trình giám sát, đánh giá đầu tư được thể hiện trong các báo cáo:

- Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư toàn quốc;
- Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư theo ngành, vùng, địa phương;
- Báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo từng giai đoạn của quá trình đầu tư (chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án, đưa dự án vào vận hành).

Phần II

NỘI DUNG GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

1. Đánh giá tổng thể đầu tư:

Đánh giá tổng thể đầu tư bao gồm:

- a) Đánh giá tổng thể đầu tư của nền kinh tế, ngành và địa phương, vùng lãnh thổ:
- Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình và kết quả đầu tư của nền kinh tế, ngành, địa phương theo các chỉ tiêu phản ánh quy mô, tốc độ, cơ cấu, tiến độ, hiệu quả đầu tư.

- Đánh giá mức độ đạt được so với quy hoạch được duyệt, nhiệm vụ kế hoạch hoặc so với mức đạt được của kỳ trước.

- Xác định các yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng tới tình hình và kết quả đầu tư; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư trong kỳ hoặc giai đoạn kế hoạch sau; đánh giá tính khả thi của các quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

Đánh giá tổng thể đầu tư toàn bộ nền kinh tế do Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Bộ, ngành tổng hợp thực hiện hàng năm, 5 năm hoặc theo yêu cầu của Chính phủ.

Đánh giá tổng thể đầu tư của ngành, địa phương do Bộ quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện hàng năm và trong từng thời kỳ kế hoạch (thường là 5 năm).

b) Đánh giá tổng thể về quản lý đầu tư:

Đánh giá tổng thể về quản lý đầu tư nhằm đánh giá tình hình thực hiện các quy định về quản lý đầu tư ở các Bộ, ngành và địa phương, phát hiện những sai phạm, những vướng mắc để kịp thời chấn chỉnh hoạt động đầu tư ở các Bộ, ngành, địa phương và xử lý kịp thời về mặt cơ chế, chính sách cho thích hợp với tình hình thực tế, gồm:

- Đánh giá tình hình triển khai của các Bộ, địa phương và các cấp về việc:

+ Thực hiện các quy định trong công tác chuẩn bị đầu tư: Trình tự lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; sự phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước trong việc ra quyết định đầu tư;

+ Thực hiện các quy định trong quá trình thực hiện đầu tư: Quản lý sử dụng đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, huy động các nguồn vốn, trình tự xây dựng cơ bản (lập, phê duyệt thiết kế, tổng dự toán,...), tổ chức đấu thầu và các quy định cụ thể khác về thực hiện dự án đầu tư.

- Phân tích các nguyên nhân thực hiện tốt và chưa tốt Quy chế quản lý đầu tư ở các Bộ, ngành, địa phương; phát hiện các vấn đề chưa phù hợp

với tình hình thực tế và đề xuất các giải pháp xử lý kể cả các kiến nghị bổ sung sửa đổi các quy định hiện hành.

Giám sát, đánh giá tổng thể về quản lý đầu tư do Bộ quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện 6 tháng một lần.

2. Giám sát, đánh giá dự án đầu tư:

Giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo các giai đoạn gồm:

2.1. Giám sát chuẩn bị đầu tư:

Giám sát chuẩn bị đầu tư là việc theo dõi, kiểm tra của cơ quan quản lý cấp trên đối với cấp dưới về quá trình chuẩn bị và ra quyết định đầu tư của dự án. Giám sát, đánh giá chuẩn bị đầu tư được thực hiện trong quá trình nghiên cứu, khảo sát lập dự án đến khi có quyết định đầu tư, gồm các nội dung sau:

- Kiểm tra sự đảm bảo các quy định về pháp lý trong việc chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt dự án); kiểm tra nội dung quyết định đầu tư theo quy định nêu tại Điều 30 Nghị định số 52/CP; đánh giá sự phù hợp của quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch, chương trình đầu tư của ngành, địa phương; thẩm quyền và trình tự ra quyết định đầu tư đối với dự án.

Đối với dự án sử dụng vốn thuộc sở hữu của doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động khác của doanh nghiệp chỉ xem xét và đánh giá về sự phù hợp của quyết định đầu tư với quy hoạch của ngành và địa phương.

- Đánh giá tổng thể về tính khả thi của quyết định đầu tư theo những yếu tố chủ yếu của dự án (mục tiêu, quy mô, công nghệ, tiến độ, vốn, nguồn vốn, môi trường và hiệu quả đầu tư); làm rõ những mâu thuẫn (nếu có) giữa quyết định đầu tư và nội dung dự án.

Đối với dự án sử dụng vốn thuộc sở hữu của doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động khác của doanh nghiệp chỉ xem xét, đánh giá về mục tiêu, quy mô và bảo đảm môi trường của dự án.

- Đánh giá về năng lực của chủ đầu tư (năng

lực về tài chính và chuyên môn, kinh nghiệm quản lý dự án).

2.2. Giám sát, đánh giá quá trình thực hiện dự án đầu tư:

Giám sát, đánh giá quá trình thực hiện dự án đầu tư là việc theo dõi, kiểm tra, xác định mức độ đạt được của quá trình thực hiện dự án theo quyết định đầu tư.

Nội dung giám sát đánh giá quá trình thực hiện đầu tư bao gồm:

- Theo dõi, kiểm tra thường xuyên quá trình thực hiện dự án, gồm:

+ Việc chấp hành các quy định về lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, tổng dự toán, dự toán; công tác đấu thầu; điều kiện khởi công xây dựng,...

+ Việc bố trí kế hoạch huy động và sử dụng vốn của dự án; việc thanh toán trong quá trình thực hiện dự án.

+ Việc thực hiện tiến độ, tổ chức quản lý dự án; các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Kiểm tra việc áp dụng và chấp hành các chính sách, chế độ quy định của Nhà nước, của ngành và địa phương áp dụng đối với dự án.

- Đánh giá năng lực của Ban quản lý dự án theo phương thức thực hiện đầu tư đã lựa chọn.

- Đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu (khối lượng, tiến độ, chất lượng, giải ngân), ảnh hưởng về môi trường và xã hội trong quá trình thực hiện đầu tư.

- Trên cơ sở theo dõi, kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện dự án phát hiện những vấn đề phát sinh (thay đổi thiết kế, dự toán, nguồn vốn, các điều kiện khác để thực hiện dự án), các sai phạm hoặc bất hợp lý, những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách cần giải quyết.

- Đề xuất các giải pháp, kiến nghị người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc cơ quan liên quan xem xét, giải quyết để đảm bảo tiến độ đầu tư.

Đối với dự án sử dụng vốn huy động của doanh

nh nghiệp và các nguồn vốn khác, giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư chỉ bao gồm một số nội dung sau:

+ Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện tiến độ; các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai.

+ Kiểm tra việc áp dụng và chấp hành các chính sách, chế độ quy định của Nhà nước, của ngành và địa phương áp dụng đối với dự án.

d) Đối với dự án sử dụng nhiều nguồn vốn:

Đối với dự án đầu tư sử dụng nhiều nguồn vốn, nội dung giám sát, đánh giá được áp dụng theo nguồn vốn sử dụng đầu tư cho từng hạng mục trong trường hợp có thể tách riêng được nguồn vốn cho từng hạng mục, hoặc theo nguồn vốn có tỷ trọng lớn nhất trong trường hợp không tách riêng được nguồn vốn sử dụng cho từng hạng mục, hoặc theo phương thức quản lý áp dụng cho dự án đã được thỏa thuận của các thành viên đối với các dự án sử dụng vốn góp của nhiều thành phần.

2.3. Đánh giá sau thực hiện dự án đầu tư:

a) Đánh giá kết thúc quá trình đầu tư:

Đánh giá kết thúc quá trình đầu tư là việc tổng hợp, đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện đầu tư một cách toàn diện từ khâu chuẩn bị đến khâu hoàn thành dự án đưa vào khai thác sử dụng. Nội dung đánh giá kết thúc quá trình đầu tư bao gồm:

- Đối chiếu nội dung và kết quả thực hiện đầu tư với quyết định ban đầu để thấy rõ những sai lệch, điều chỉnh các yếu tố của dự án trong quá trình thực hiện đầu tư.

Đánh giá kết thúc quá trình đầu tư cần kết hợp với việc nghiệm thu công trình để nắm được toàn diện các vấn đề liên quan đến dự án như sự đảm bảo tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật và chất lượng công trình,...

- Đánh giá việc thực hiện quyết toán công trình và giá trị tài sản cố định mới tăng.

- Xác định các nguyên nhân phát sinh khối

lượng hoặc điều chỉnh thiết kế trong quá trình thực hiện đầu tư; xem xét căn cứ pháp lý, tính khả thi về mặt kỹ thuật và mức chi phí các giải pháp khắc phục các yếu tố phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

Đánh giá kết thúc quá trình đầu tư đối với dự án không muộn hơn 6 tháng kể từ khi hoàn thành đưa dự án vào khai thác, sử dụng.

b) Đánh giá quá trình khai thác, vận hành dự án:

Đánh giá quá trình khai thác vận hành dự án được thực hiện vào thời điểm thích hợp như khi mới đưa vào khai thác, sử dụng hay khi đạt được công suất thiết kế, khi sản xuất ổn định,.... Nội dung đánh giá quá trình khai thác, vận hành dự án bao gồm:

- Đánh giá hiệu quả đầu tư trên cơ sở so sánh chi phí và kết quả thực tế đạt được trong quá trình khai thác, vận hành.

- Phân tích tác động đối với dự án về các mặt sử dụng đất đai, chính sách về tài chính, xã hội, môi trường, năng lực quản lý của chủ đầu tư, biến động của thị trường tới hiệu quả của dự án.

- Đề xuất các biện pháp để đảm bảo khai thác, vận hành dự án có hiệu quả.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

1. Hệ thống thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư:

1.1. Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân địa phương

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan giúp Thủ tướng Chính phủ tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư; giám sát, đánh giá các dự án quan trọng quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và các dự án nhóm A được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ cụ thể sau:

- Hướng dẫn, theo dõi và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong toàn quốc.

- Tổ chức thực hiện đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi toàn quốc theo từng thời kỳ kế hoạch hoặc theo yêu cầu của Chính phủ và tổng hợp báo cáo đánh giá tổng thể đầu tư hàng năm của các Bộ, ngành và địa phương để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì và phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ quản lý ngành và địa phương liên quan thực hiện giám sát, đánh giá các dự án quan trọng quốc gia, các dự án nhóm A Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư trên phạm vi toàn quốc.

Tùy theo từng dự án cụ thể, Bộ Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương liên quan cử cán bộ, chuyên gia tham gia giám sát, đánh giá dự án dưới hình thức thành lập các tổ công tác liên ngành.

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện giám sát, đánh giá các dự án nhóm A do Bộ tổ chức hoặc chủ trì tổ chức thực hiện.

- Kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ hoặc với các Bộ, ngành, địa phương liên quan (theo thẩm quyền) về các giải pháp nhằm khắc phục những vướng mắc trong hoạt động đầu tư của các ngành, các địa phương hoặc đối với các dự án nhóm A để đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư.

- Xem xét, có ý kiến hoặc giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ khi có yêu cầu của các Bộ, ngành khác, địa phương và chủ đầu tư.

b) Các Bộ, cơ quan quản lý tổng hợp (Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường) có nhiệm vụ cụ thể sau:

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện đánh giá tổng thể đầu tư theo yêu cầu của Chính phủ;

- Tham gia cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện giám sát, đánh giá các dự án nhóm A do Thủ tướng Chính phủ cho phép hoặc quyết định đầu tư đối với các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Bộ;

- Giải quyết các kiến nghị của các Bộ, ngành, địa phương và chủ đầu tư những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình.

c) Các Bộ quản lý chuyên ngành có các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Tổ chức thực hiện và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý;

- Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá dự án đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của mình (kể cả các dự án phân cấp và ủy quyền cho cấp dưới quyết định đầu tư);

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện giám sát, đánh giá các dự án nhóm A do Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc cho phép đầu tư về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình;

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ (đồng thời gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư) về công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý của mình và giám sát, đánh giá dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của mình theo chế độ quy định;

- Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc các Bộ, ngành khác về những vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư chung của Bộ, ngành và liên quan đến các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của mình để giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư;

- Có ý kiến hoặc giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành khi có yêu cầu của các Bộ, ngành khác, địa phương và chủ đầu tư.

d) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ cụ thể sau:

- Tổ chức thực hiện và báo cáo Thủ tướng

Chính phủ về giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi quản lý của địa phương mình;

- Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá dự án các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của mình (kể cả các dự án phân cấp và ủy quyền cho cấp dưới quyết định đầu tư);

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện giám sát, đánh giá các dự án nhóm A do Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc cho phép đầu tư trên địa bàn của mình;

- Giám sát việc thực hiện theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đai, đảm bảo môi trường của các dự án trên địa bàn của tỉnh, thành phố;

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ (đồng thời gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư) về công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi quản lý của mình và giám sát, đánh giá dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của mình theo chế độ quy định;

- Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc các Bộ, ngành về những vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư chung của địa phương và liên quan đến các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của mình để giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư;

- Có ý kiến hoặc giải quyết kịp thời các vấn đề về giải phóng mặt bằng, sử dụng đất thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình khi có yêu cầu của các Bộ, ngành và chủ đầu tư.

1.2. Các doanh nghiệp, các chủ đầu tư:

Các doanh nghiệp, các chủ đầu tư có các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các dự án do mình quyết định đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của mình và báo cáo cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan giám sát đầu tư của Nhà nước ở các cấp trực thuộc (Bộ, Ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Đối với các dự án nhóm A ngoài báo cáo cấp quyết định đầu tư, hàng quý chủ đầu tư phải gửi báo cáo tới cơ quan quản lý cấp trên và Bộ Kế

06491329
 www.ThuVienPhapLuat.com
 * Tel: 04-3945-0684 *

hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Phát hiện và báo cáo kịp thời với cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan tổ chức giám sát đầu tư những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và kiến nghị các giải pháp khắc phục; kiến nghị người có thẩm quyền quyết định đầu tư điều chỉnh dự án trong trường hợp cần thiết.

- Kiến nghị cấp có thẩm quyền, các Bộ, ngành, địa phương về những vấn đề cần giải quyết liên quan đến dự án do mình quản lý để đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư.

Ban quản lý dự án tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các dự án do mình quản lý và báo cáo chủ đầu tư về công tác giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo các nội dung do chủ đầu tư quy định đồng thời phát hiện, báo cáo kịp thời với chủ đầu tư những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và kiến nghị các giải pháp khắc phục.

1.3. Cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư có chức năng giúp lãnh đạo các Bộ, các ngành và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư có nhiệm vụ cụ thể sau:

- Có kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư do cấp có thẩm quyền thông qua và tổ chức thực hiện các công việc giám sát, đánh giá đầu tư trong phạm vi trách nhiệm được giao.

- Tổ chức hệ thống cung cấp và lưu trữ thông tin về tình hình đầu tư trong phạm vi Bộ, ngành, địa phương hoặc các dự án (đối với các chủ đầu tư) do mình quản lý.

- Thu thập các báo cáo, thông tin liên quan phục vụ giám sát, đánh giá đầu tư theo từng đối tượng quy định.

- Thực hiện xem xét, phân tích, đánh giá các thông tin, báo cáo, lập Báo cáo giám sát, đánh giá

đầu tư phù hợp với nội dung và yêu cầu quy định trình các cấp có thẩm quyền xem xét.

Cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư có các quyền hạn sau:

- Yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư ở các cấp liên quan báo cáo theo chế độ quy định, cung cấp các thông tin, tài liệu bổ sung liên quan đến nội dung giám sát, đánh giá đầu tư nếu thấy cần thiết.

- Trong trường hợp cần thiết có thể tiếp xúc, trao đổi trực tiếp với các cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư ở các cấp liên quan, với chủ đầu tư và kiểm tra trực tiếp tại hiện trường. Cơ quan có nhu cầu tiếp xúc, trao đổi trực tiếp hoặc kiểm tra trực tiếp tại hiện trường phải có kế hoạch, nội dung làm việc cụ thể và thông báo trước với các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Kiến nghị với cấp có thẩm quyền việc điều chỉnh dự án khi cần thiết hoặc hủy bỏ quyết định đầu tư, đình chỉ, tạm dừng thực hiện các dự án đầu tư nếu trong quá trình giám sát, đánh giá đầu tư phát hiện có những sai phạm nghiêm trọng. Báo cáo cấp có thẩm quyền về việc vi phạm các quy định về giám sát, đánh giá đầu tư của chủ đầu tư, của các cơ quan, đơn vị liên quan trong phạm vi nhiệm vụ giám sát, đánh giá được quy định và kiến nghị các biện pháp xử lý theo mức độ vi phạm.

1.4. Giám sát của cộng đồng

Bên cạnh việc giám sát thường xuyên, trực tiếp của các cơ quan quản lý nhà nước, chủ các chương trình, các dự án đầu tư (kể cả dự án của tư nhân) sau khi quyết định đầu tư phải công bố công khai nội dung quyết định đầu tư, chương trình kế hoạch đầu tư (tên dự án, quy mô xây dựng, phạm vi chiếm đất, vốn đầu tư, nguồn vốn, chủ đầu tư, tiến độ thực hiện,...) tại địa điểm thực hiện đầu tư, trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân địa phương nơi có dự án, đồng thời thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo với Hội

đồng nhân dân địa phương các cấp về các nội dung cơ bản của dự án để Hội đồng nhân dân và nhân dân địa phương giám sát. Dự án của các ngành, cơ quan trung ương phải thông báo cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án; dự án của các ngành và cơ quan cấp tỉnh phải thông báo cho Hội đồng nhân dân cấp huyện nơi có dự án; dự án của các ngành và cơ quan cấp huyện phải thông báo cho Hội đồng nhân dân cấp xã nơi có dự án để Hội đồng nhân dân các cấp tổ chức giám sát. Dự án do xã làm chủ đầu tư phải công khai trong cộng đồng nhân dân xã đó.

Nhà nước khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia giám sát việc thực hiện dự án theo quyết định đầu tư và các quy định của Nhà nước, góp phần làm cho việc thực hiện dự án đúng quy định, tiết kiệm, có hiệu quả.

Giám sát của cộng đồng dân cư thông qua các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và Hội đồng nhân dân các cấp. Hội đồng nhân dân các cấp, các tổ chức xã hội có thể gửi ý kiến về dự án đến cơ quan được giao là đầu mối tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các cấp. Dự án do cấp nào quản lý thì ý kiến giám sát cộng đồng được gửi về cơ quan đầu mối giám sát đầu tư cấp ấy.

Các cơ quan tiếp nhận ý kiến có trách nhiệm xem xét, kiến nghị xử lý những vấn đề phát sinh và thông báo các kết luận tới nơi gửi ý kiến đóng góp.

2. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư:

2.1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư phân công một đơn vị (Vụ) làm đầu mối thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của Bộ, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và chủ đầu tư, cung cấp thông tin, hướng dẫn nghiệp vụ và xử lý các vấn đề về giám sát, đánh giá đầu tư.

2.2. Các Bộ, ngành chỉ định đơn vị (Vụ hoặc Ban kế hoạch) chịu trách nhiệm thường xuyên về giám sát, đánh giá đầu tư của Bộ, ngành; hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư đối với các đơn vị trực thuộc, các dự án được Bộ, ngành phân cấp hoặc ủy quyền cho cấp dưới.

2.3. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của tỉnh, thành phố; hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư đối với các cấp, đơn vị trực thuộc, các dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phân cấp hoặc ủy quyền cho cấp dưới.

2.4. Doanh nghiệp, chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chỉ định bộ phận chịu trách nhiệm thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý của mình.

3. Phương thức thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư:

1. Tổ chức theo dõi, tổng hợp, phân tích tình hình:

Các cơ quan thực hiện nhiệm vụ theo dõi, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện đầu tư và quản lý hoạt động đầu tư trên cơ sở các thông tin, báo cáo định kỳ theo hệ thống và chế độ quy định.

Các cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các Bộ, ngành và địa phương cần tổ chức mạng thông tin liên thông để thu thập và cập nhật thông tin, phối hợp theo dõi và đánh giá tình hình đầu tư.

2. Kiểm tra, xem xét thường xuyên:

Các cơ quan nhà nước thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư thực hiện nhiệm vụ giám sát, đánh giá đầu tư bằng việc kiểm tra, xem xét thường xuyên hoạt động đầu tư thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

Trong trường hợp phát hiện có những dấu hiệu vi phạm các quy định về quản lý đầu tư, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án hoặc có những vấn đề chưa rõ trong Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư của chủ đầu tư thì các cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư có thể yêu cầu chủ đầu tư báo cáo hoặc tiến hành giám sát tại chỗ về vấn đề cần tìm hiểu.

Các cơ quan nhà nước thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư có thể thực hiện các nhiệm vụ giám sát, đánh giá đầu tư tại các cơ quan quản lý đầu tư các cấp của các Bộ, ngành, địa phương, tại hiện trường của dự án.

Việc giám sát tại chỗ chỉ tiến hành khi thấy cần thiết phải trao đổi, tiếp xúc với các cơ quan, đơn vị quản lý đầu tư hoặc quan sát trực tiếp đối tượng đầu tư. Trường hợp có yêu cầu thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư tại chỗ, cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư cần báo cáo và phải được người có thẩm quyền quyết định. Việc thực hiện giám sát tại chỗ phải có kế hoạch, chương trình làm việc cụ thể và thông báo trước ít nhất là 5 ngày làm việc cho cơ quan, đơn vị liên quan biết.

3. Tổ chức đánh giá hoạt động đầu tư:

Ngoài việc đánh giá tổng thể đầu tư và tình hình thực hiện dự án đầu tư theo định kỳ, các cơ quan giám sát, đánh giá đầu tư các cấp có thể thực hiện nhiệm vụ đánh giá tổng thể đầu tư hoặc đánh giá dự án (gọi chung là đánh giá đầu tư) vào thời điểm cần thiết theo yêu cầu của cơ quan cấp trên hoặc của người quyết định đầu tư như đã nêu ở phần nội dung giám sát, đánh giá đầu tư.

Nhiệm vụ, nội dung và thời điểm đánh giá tổng thể đầu tư hoặc đánh giá dự án đầu tư do cơ quan cấp trên hoặc người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét quyết định.

Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đánh giá tổng thể đầu tư hoặc đánh giá dự án đầu tư có thể mời các tổ chức tư vấn, chuyên gia có đủ năng lực chuyên môn về các lĩnh vực liên quan tham gia. Các tổ chức tư vấn và chuyên gia thực hiện đánh giá đầu tư trên cơ sở hợp đồng với đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ này. Khi có nhu cầu thuê các tổ chức tư vấn hoặc chuyên gia thực hiện đánh giá đầu tư, các đơn vị được giao thực hiện đánh giá đầu tư phải có kế hoạch trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Báo cáo về giám sát, đánh giá đầu tư:

4.1. Chế độ báo cáo

Các cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các cấp (các Bộ, ngành, địa phương, chủ đầu tư) thực hiện chế độ báo cáo quy định như sau:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ về đánh giá tổng thể đầu tư hàng năm và từng thời kỳ kế hoạch theo yêu cầu của Chính phủ; tổng hợp báo cáo về giám sát tổng thể đầu tư 6 tháng một lần; báo cáo tổng hợp giám sát, đánh giá dự án nhóm A trong phạm vi toàn quốc một quý một lần.

2. Các Bộ, ngành, địa phương định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng một lần, đồng thời gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp. Các đơn vị trực thuộc Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên theo quy định của các Bộ, ngành và địa phương.

3. Chủ đầu tư thực hiện báo cáo quý, 6 tháng và năm cho cơ quan đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư của Bộ, ngành, tỉnh chủ quản của mình; chủ đầu tư dự án của các Bộ, ngành đồng thời gửi báo cáo cho cơ quan đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư của địa phương nơi thực hiện dự án.

Riêng chủ đầu tư dự án nhóm A ngoài việc lập và gửi báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư dự án đến cơ quan đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư của các Bộ, ngành và địa phương, đồng thời gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo quý, 6 tháng, năm để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Đối với các dự án hoàn thành đưa vào hoạt động chủ đầu tư phải lập báo cáo đánh giá kết thúc quá trình đầu tư không chậm hơn 6 tháng kể từ khi hoàn thành đưa dự án vào khai thác, sử dụng theo nội dung quy định và gửi đến các cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư của các Bộ, ngành và địa phương trực thuộc và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án nhóm A).

Các chủ đầu tư chịu trách nhiệm báo cáo đánh giá quá trình khai thác, vận hành dự án theo nội

dung quy định gửi đến các cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư của các Bộ, ngành và địa phương trực thuộc và đồng thời gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án nhóm A).

4. Ban quản lý dự án thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư dự án do mình quản lý theo quy định của chủ đầu tư.

Nội dung báo cáo định kỳ của các cấp thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo mẫu nêu trong phần Phụ lục.

4.2. Thời hạn báo cáo định kỳ:

1. Chủ đầu tư:

Gửi báo cáo quý về giám sát, đánh giá dự án đầu tư đến các cơ quan đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư của Bộ, ngành và địa phương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp (đối với dự án nhóm A) trong thời gian 5 ngày đầu của quý sau.

2. Các Bộ, ngành và địa phương:

Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong thời gian 10 ngày đầu tháng 7 (đối với báo cáo 6 tháng) và 15 ngày đầu tháng 01 năm sau (đối với báo cáo năm).

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về đánh giá tổng thể đầu tư hàng năm trong tháng 02 năm sau.

- Báo cáo quý về giám sát đánh giá dự án đầu tư nhóm A trong tháng đầu của quý sau.

4. Các cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư có thể có báo cáo bất thường khi cần thiết.

Phần IV

TRÁCH NHIỆM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THỰC HIỆN GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

1. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư:

1.1. Thủ trưởng các Bộ, ngành, địa phương, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả do không tổ chức thực hiện việc giám sát, đánh giá đầu tư hoặc không báo cáo theo quy định.

1.2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư phải chịu trách nhiệm về nội dung các báo cáo của mình.

1.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo của mình và phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về mọi hậu quả phát sinh do không thực hiện hay thực hiện không đầy đủ các quy định về giám sát đầu tư hoặc do báo cáo, cung cấp thông tin sai sự thực về tình hình thực hiện đầu tư trong phạm vi mình quản lý.

1.4. Các Bộ, ngành, địa phương phải xem xét và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, các kiến nghị của cơ quan giám sát, đánh giá đầu tư, chủ đầu tư về những vấn đề thuộc quyền hạn và trách nhiệm của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của bên có liên quan và chịu trách nhiệm về các quyết định và việc xử lý đó hoặc báo cáo kịp thời với cấp trên các vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Xử lý vi phạm các quy định về giám sát, đánh giá đầu tư:

2.1. Trong thời hạn quy định mà các Bộ, ngành, địa phương không gửi báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ và kiến nghị các hình thức xử lý thích hợp.

2.2. Các đơn vị trực thuộc Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các chủ đầu tư không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo thì cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư cần báo cáo cấp có thẩm quyền và kiến nghị các hình thức xử lý về hành chính hoặc đề nghị ngừng thực hiện dự án.

2.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về những vấn đề phát sinh liên quan trong trường hợp phải ngừng thực hiện dự án do không báo cáo kịp thời.

2.4. Các cấp có thẩm quyền không được phép điều chỉnh đầu tư đối với các dự án không thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định.

2.5. Các dự án sẽ không được ghi vốn kế hoạch năm sau nếu không có đầy đủ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư năm trước. Dự án chỉ được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư khi thực hiện đầy đủ các quy định giám sát, đánh giá đầu tư.

3. Xử lý các vi phạm về quản lý đầu tư và xây dựng trong quá trình giám sát, đánh giá đầu tư:

3.1. Các cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư báo cáo kịp thời các cấp có thẩm quyền những trường hợp vi phạm Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng trong các hoạt động đầu tư thuộc cấp mình quản lý để xử lý theo quy định.

3.2. Các cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư cố tình che giấu các trường hợp vi phạm về quản lý đầu tư và xây dựng sẽ chịu trách nhiệm liên đới trước pháp luật về các sai phạm và hậu quả gây ra.

Phần V

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

1. Chi phí thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư

1.1. Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư bao gồm các chi phí có liên quan đến công tác giám sát, đánh giá đầu tư ở các cấp, bao gồm:

a) Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư được sử dụng bằng nguồn kinh phí sự nghiệp của cơ quan thực hiện nhiệm vụ này.

b) Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá dự án đầu tư được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.

2.2. Việc quản lý, sử dụng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư thực hiện hướng dẫn của Bộ Tài chính. Định mức chi phí giám sát, đánh giá đầu tư do Bộ Xây dựng quy định.

2. Hiệu lực và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này thay thế Thông tư số 01/2000/

TT-BKH ngày 10 tháng 01 năm 2000 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về giám định đầu tư và có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Các Bộ, ngành, địa phương và chủ đầu tư cần tổ chức triển khai ngay công tác giám sát, đánh giá đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình theo quy định của Thông tư này.

- Các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện ngay từ 6 tháng đầu năm 2003 và có báo cáo về công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư.

- Đối với công tác giám sát, đánh giá dự án đầu tư:

+ Các dự án đầu tư được phê duyệt sau ngày Nghị định số 07/CP có hiệu lực, hoặc đã được phê duyệt trước ngày Nghị định số 07/CP có hiệu lực nhưng chưa triển khai thực hiện thì thực hiện ngay công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định của Thông tư này.

+ Các dự án đầu tư được phê duyệt trước ngày Nghị định số 07/CP có hiệu lực và đang triển khai thực hiện dự án và công tác giám định đầu tư theo quy định của Nghị định số 52/CP và Thông tư số 01/2000/TT-BKH ngày 10 tháng 01 năm 2000 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước đây, nay thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định của Thông tư này.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn việc tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời xem xét, xử lý nhằm thực hiện tốt công tác giám sát, đánh giá đầu tư./.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

VÕ HỒNG PHÚC

Mẫu số 1/GĐĐT:**Báo cáo đánh giá tổng thể đầu tư của các Bộ, ngành, địa phương**

BỘ.....(UBND TỈNH.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

số /BCĐT

....., ngàytháng.....năm.....

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐẦU TƯ NĂM**I. Tình hình thực hiện đầu tư****1. Vốn đầu tư thực hiện trong năm**

	Vốn đầu tư thực hiện theo quý				Cả năm
	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
Kế hoạch					
Thực hiện					
% hoàn thành KH					
% So với cùng kỳ năm trước					
Công trình khởi công mới					
Công trình hoàn thành					

2. Cơ cấu đầu tư:

- Theo ngành (theo quy định báo cáo thống kê đối với Bộ, ngành, địa phương)

Số thứ tự	Ngành	Năm trước năm báo cáo		Năm báo cáo	
		Tổng mức (tr. đồng)	Tỷ lệ %	Tổng mức (tr. đồng)	Tỷ lệ %
1					
2					
...					

- Theo khoản mục chi phí đầu tư:

Số thứ tự	Khoản mục chi phí đầu tư	Năm trước năm báo cáo		Năm báo cáo	
		Tổng mức (tr. đồng)	Tỷ lệ %	Tổng mức (tr. đồng)	Tỷ lệ %
	Tổng số				
1	Xây lắp				
2	Thiết bị				
3	Chi phí khác trong đó: đền bù, tái định cư				

3. Kết quả đầu tư

	Hàng quý				Cả năm
	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
Giá trị tài sản mới tăng					
Tỷ lệ % so với vốn đầu tư thực hiện					

II. Đánh giá tình hình và kết quả đầu tư

1. Đánh giá mức độ đạt được so với kế hoạch hoặc so với thực tế cùng kỳ (đánh giá của cơ quan giám sát, đánh giá đầu tư; những vấn đề mới phát hiện trong quá trình giám sát, đánh giá đầu tư liên quan đến chính sách, định hướng ở tầm vĩ mô,...).

2. Phân tích nguyên nhân tác động đến tình hình và kết quả đầu tư.

III. Đề xuất và kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư

1. Các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư.

- a) Giải pháp thuộc về cơ chế, chính sách.
- b) Giải pháp kinh tế - kỹ thuật.
- c) Giải pháp quản lý thực hiện đầu tư.

Mẫu số 2/GDDT:**Báo cáo hàng năm về giám sát đầu tư
của các Bộ, ngành, địa phương****BỘ.....(UBND TỈNH.....)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

số /BCDT

....., ngàytháng.....năm.....

**BÁO CÁO THỰC HIỆN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ
(báo cáo 6 tháng, năm)****I. Tình hình thực hiện giám sát đầu tư**

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Tổng số	Phân theo nhóm		
			A	B	C
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong năm				
2	Số dự án được quyết định đầu tư trong năm				
3	Số dự án kết thúc đưa vào hoạt động trong năm				
4	Số dự án đã thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư trong năm				
5	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư: - Không phù hợp quy hoạch - Không đúng thẩm quyền - Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm tra, thẩm định dự án - Đấu thầu không đúng quy định - Bỏ giá thầu không phù hợp - Phê duyệt không kịp thời - Ký hợp đồng không đúng quy định - Chậm tiến độ - Chất lượng xây dựng thấp - Có lãng phí				
6	Số dự án phải điều chỉnh: - Nội dung đầu tư - Tiến độ đầu tư - Vốn đầu tư				
7	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau				
8	Số dự án đưa vào hoạt động nhưng không có hiệu quả				

09640329

II. Đánh giá tình hình thực hiện giám sát đầu tư và kết quả đạt được

1. Đánh giá tình hình: Phân tích kết quả thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư; đối chiếu với năm trước.
2. Phân tích nguyên nhân: Phân tích các nguyên nhân về điều kiện thực hiện đầu tư, về tổ chức quản lý đầu tư.

III. Đề xuất, kiến nghị

1. Các đề xuất về đổi mới cơ chế, chính sách, điều hành của Chính phủ, các Bộ, ngành.
2. Các đề xuất về tổ chức thực hiện.

Mẫu số 3/GDDT:

**Báo cáo quý về giám sát, đánh giá dự án đầu tư
của các Bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.**

BỘ.....(UBND TỈNH.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

số /BCĐT

....., ngàytháng.....năm.....

BÁO CÁO TỔNG HỢP VỀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Quý/năm.....

I. Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá dự án đầu tư

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Tổng số	Phân theo nhóm		
			A	B	C
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong quý				
2	Số dự án được quyết định đầu tư trong quý				
3	Số dự án kết thúc đưa vào hoạt động trong quý				
4	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư: - Không phù hợp quy hoạch - Không đúng thẩm quyền - Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm tra, thẩm định dự án				
5	Số dự án phải điều chỉnh: - Nội dung đầu tư - Tiến độ đầu tư - Vốn đầu tư				
6	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau				

Các mục từ 1 đến 6 phải kèm theo danh mục cụ thể theo bảng sau

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Tổng mức đầu tư	Tiến độ thực hiện
I	Dự án nhóm A			
1				
2...				

II	Dự án nhóm B			
1				
2...				
III	Dự án nhóm C			
1				
2...				

II. Những giải pháp và kiến nghị xử lý

1. Giải pháp xử lý đối với các dự án vi phạm các quy định về quản lý đầu tư hoặc gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.
2. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc các Bộ, ngành, địa phương liên quan về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của các dự án.

Mẫu số 4/GDDT:

Báo cáo đánh giá về chuẩn bị đầu tư dự án của Chủ đầu tư
 {gửi cơ quan đầu mối của Bộ, ngành, địa phương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư
 (đối với dự án nhóm A)}

BỘ.....(UBND TỈNH.....)
 ĐƠN VỊ CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

số /BCDT

....., ngàytháng.....năm.....

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Tên dự án:

; Địa điểm xây dựng:

I. Các chỉ tiêu chủ yếu theo Quyết định đầu tư

1. Mục tiêu chính:
2. Quy mô, công suất:
3. Địa điểm, diện tích đất sử dụng:
4. Tổng mức đầu tư:
5. Nguồn vốn:
6. Tiến độ thực hiện:

II. Báo cáo đánh giá ban đầu về dự án (*)

1. Các văn bản về quyết định đầu tư (cơ quan, số, ngày tháng năm quyết định đầu tư).
2. Cơ quan thẩm tra, thẩm định dự án (nêu rõ tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị tham gia thẩm tra, thẩm định dự án).
3. Hình thức quản lý dự án (theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng).
4. Cơ cấu, nhân sự Ban quản lý dự án (số lượng, chuyên ngành và trình độ chuyên môn).
5. Đánh giá sự phù hợp của mục tiêu, quy mô đầu tư với các quy hoạch được duyệt (Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; Quy hoạch ngành; Quy hoạch xây dựng).
6. Đánh giá tổng thể về tính khả thi của các yếu tố chính của dự án (quy mô, công nghệ, giải pháp xây dựng, vốn và nguồn vốn, tiến độ thực hiện, môi trường).
7. Những vấn đề cần quan tâm xử lý để đảm bảo thực hiện dự án có kết quả.

(*) Tùy theo nguồn vốn đầu tư có thể báo cáo nội dung thích hợp; Đối với dự án do doanh nghiệp quyết định đầu tư chỉ báo cáo 1, 5, 6, 7.

Mẫu số 5/GDDT:**Báo cáo kế hoạch triển khai thực hiện dự án**

BỘ.....(UBND TỈNH.....)
ĐƠN VỊ CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

số /BCĐT

....., ngàytháng.....năm.....

BÁO CÁO KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN
 (do Chủ đầu tư tự lập và tự đánh giá trong quá trình thực hiện)

1. Kế hoạch tiến độ thực hiện dự án

Số thứ tự	Tên công việc chính	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Đơn vị thực hiện	Cơ quan phê duyệt (nếu có)
1					
2					
...					

2. Kế hoạch huy động vốn

Số thứ tự	Nguồn vốn	Nội dung sử dụng vốn	Tổng số (1000 đ)	Thời gian huy động
1				
2				
...				

3. Kế hoạch đưa vào khai thác, huy động từng phần (nếu có)

Số thứ tự	Tên hạng mục/bộ phận dự định đưa vào huy động	Công suất/năng lực phục vụ	Vốn đầu tư (1000 đ)	Thời gian đưa vào huy động
1				
2				
...				

Mẫu số 6/GDDT:

Báo cáo giám sát, đánh giá về thực hiện dự án của
{gửi cơ quan đầu mối của Bộ, ngành, địa phương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(đối với dự án nhóm A)}

BỘ.....(UBND TỈNH.....)
ĐƠN VỊ CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

số /BCĐT

....., ngàytháng.....năm.....

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
QUÝ/NĂM.....

Tên dự án: _____, Địa điểm xây dựng: _____

I. Các chỉ tiêu chủ yếu theo Quyết định đầu tư

1. Mục tiêu chính:
2. Quy mô, công suất:
3. Địa điểm, diện tích đất sử dụng:
4. Tổng mức đầu tư:
5. Nguồn vốn:
6. Tiến độ thực hiện:

II. Tình hình thực hiện dự án

1. Kế hoạch chi tiết về tiến độ thực hiện dự án (ghi rõ các mốc thời gian thực hiện các công việc chính hoặc giai đoạn theo Kế hoạch được duyệt).
2. Kế hoạch đấu thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3. Tình hình thực hiện dự án.
 - 3.1. Phê duyệt thiết kế, Tổng dự toán, dự toán các hạng mục: Số lượng các hạng mục hoàn thành thiết kế kỹ thuật, dự toán; mức hoàn thành theo số lượng hạng mục và theo mức vốn đầu tư:
 - 3.2. Thực hiện đấu thầu:
 - 3.2.1. Kết quả lựa chọn nhà thầu:

Số thứ tự	Tên gói thầu và phương thức lựa chọn nhà thầu	Tình hình thực hiện		
		Giá gói thầu (theo KH đấu thầu)	Giá trúng thầu	So với KH đấu thầu
1				
2...				

3.2.2. Tiến độ thực hiện đấu thầu:

3.3. Thực hiện khối lượng:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Tình hình thực hiện		
		Quý báo cáo	Lũy kế	So với KH hoặc giá gói thầu
1	Nguồn vốn đã huy động được			
2	Vốn đầu tư thực hiện: - Vốn xây lắp: - Vốn thiết bị: - Vốn khác:			
3	Vốn đầu tư đã được giải ngân			
4	Giá trị khối lượng đã thanh toán cho nhà thầu			
5	Vốn đã được quyết toán (nếu có)			

3.4. Tiến độ thực hiện: Đối chiếu kế hoạch tiến độ, đánh giá mức độ đảm bảo, nguyên nhân chậm (nếu có); biện pháp khắc phục.

3.5. Những vấn đề khác: Môi trường, giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, áp dụng chính sách, chế độ,... (phân tích so với hồ sơ được duyệt).

3.6. Những vấn đề phát sinh: Thay đổi thiết kế, biện pháp thi công, khối lượng, thay đổi vốn, nguồn vốn, sự cố,.....

III. Đánh giá tình hình thực hiện dự án:

1. Đánh giá chung tình hình thực hiện dự án trên các mặt chủ yếu: Thủ tục xây dựng cơ bản, khối lượng thực hiện, tiến độ, giải ngân,... Đánh giá mức độ đạt được so với kế hoạch, những tồn tại, vướng mắc.

2. Phân tích nguyên nhân những tồn tại, trách nhiệm.

3. Các giải pháp xử lý các tồn tại, vướng mắc.

IV. Kiến nghị

Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc các Bộ, ngành, địa phương liên quan, các cấp thẩm quyền về các biện pháp hỗ trợ, xử lý những khó khăn của dự án.

Mẫu số 7/GDDT:**Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư dự án**

{của Chủ đầu tư gửi cơ quan đầu mối của Bộ, ngành, địa phương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(đối với dự án nhóm A)}

BỘ.....(UBND TỈNH.....)
ĐƠN VỊ CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

số /BCĐT

....., ngàytháng.....năm.....

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Tên dự án:

I. Đánh giá kết quả thực hiện dự án

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Theo QĐ đầu tư	Theo QĐ điều chỉnh (nếu có)	Thực tế	Chênh lệch
1	Mục tiêu đầu tư				
2	Quy mô đầu tư Các hạng mục chính				
3	Tổng mức đầu tư: Phân theo: - Xây lắp - Thiết bị - Khác				
4	Tiến độ thực hiện - Khởi công - Kết thúc đưa vào HĐ				
5	Đánh giá về chất lượng công trình theo tiêu chuẩn, quy phạm (khi nghiệm thu)				

II. Nhận xét, đánh giá về dự án:

- Đánh giá chung về quá trình thực hiện dự án: Mức độ đạt được theo các chỉ tiêu chủ yếu nói trên.
- Phân tích các nguyên nhân đạt được kết quả tốt, tồn tại, thiếu sót; xác định trách nhiệm đối với từng vấn đề, từng việc.
- Đánh giá khả năng phát huy hiệu quả của dự án; những vấn đề cần xử lý tiếp để dự án phát huy hiệu quả.

III. Kiến nghị

Kiến nghị của Chủ đầu tư với các cấp, các ngành, địa phương về những vấn đề liên quan cần được hỗ trợ, phối hợp để đảm bảo dự án hoạt động có hiệu quả.